

Bản án số: 1274/2024/HC-PT
Ngày 16 – 12 – 2024
V/v “Khiếu kiện quyết định hành chính
về hủy kết quả đấu giá tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú;

Bà Trần Thị Thúy Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Lê Nguyệt Hà – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 742/2024/TLPT-HC ngày 02 tháng 10 năm 2024 về “Khiếu kiện quyết định hành chính về việc hủy kết quả đấu giá tài sản”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2024/HC-ST ngày 07/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3382/2024/QĐ-PT ngày 28 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Công ty TNHH G;

Địa chỉ: Số A đường C, khu phố B, phường A, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của người khởi kiện: Bà Đỗ Thị Ngọc T – Giám đốc Công ty TNHH G

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Ngô Văn Đ, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số A N, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Bà Nguyễn Mỹ P - Công ty G thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. Địa chỉ: Số A N, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B: Bà Huỳnh Yến V - Trưởng phòng Quản lý Tài nguyên biển và khí tượng thủy văn thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B (có mặt).

2.2. Cục Thuế tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn T1 - Cục trưởng Cục Thuế tỉnh B (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cục Thuế tỉnh B: Ông Huỳnh Hùng A - Phó trưởng Phòng Quản lý hộ kinh doanh, cá nhân và thu khác (có mặt).

4. *Người kháng cáo:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B và Cục Thuế tỉnh B là người bị kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các đơn khởi kiện ngày 28/8/2023, 12/10/2023, 22/01/2024, đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 09/3/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện Công ty TNHH G trình bày:

Ngày 31/7/2019, Công ty TNHH G (tên gọi trước đây là Công ty TNHH G) có nộp hồ sơ tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (cát san lấp) đối với khu vực khoáng sản A, thuộc xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Ngày 25/12/2019 đã diễn ra buổi đấu giá tại Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh B theo đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Về kết quả đấu giá, Công ty TNHH G là đơn vị trúng đấu giá với giá là 17.500.000.000 đồng (mười bảy tỷ năm trăm triệu đồng).

Ngày 02/01/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 06/QĐ-UBND về việc công nhận Công ty TNHH G đã trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (cát san lấp) đối với khu vực khoáng sản A (gọi tắt là Quyết định 06/QĐ-UBND).

Ngày 10/01/2020, Cục thuế tỉnh B có Thông báo số 109/TB-CT yêu cầu Công ty TNHH G (sau đây viết tắt là Công ty) nộp tiền trúng đấu giá 17.500.000.000 đồng (gọi tắt là Thông báo 109/TB-CT). Tuy nhiên, vì vào thời điểm này, đại dịch Covid – 19 đang lây lan và bùng phát mạnh mẽ tại Việt Nam, đặc biệt là tại Thành phố Hồ Chí Minh (nơi Công ty đặt trụ sở), khiến công ty không thể hoạt động kinh doanh được vì các quy định hạn chế đi lại, giãn cách xã hội,... Chính vì vậy, Công ty đã chậm thanh toán số tiền trúng đấu giá theo Thông báo số 109/TB-CT của Cục thuế tỉnh B.

Sau khi đại dịch C - 19 được kiểm soát, kinh tế dần được ổn định, Công ty đã nộp đầy đủ toàn bộ số tiền trúng đấu giá (17.500.000.000 đồng) và tiền phạt

chậm nộp (2.265.501.000 đồng) cho Cục thuế tỉnh B theo Thông báo số 1009/CTBT-QLN ngày 12/4/2022.

Tuy nhiên, đến ngày 14/8/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ra Quyết định số 1705/QĐ-UBND về việc hủy bỏ Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 02/01/2020.

Đến ngày 16/11/2023, Cục thuế tỉnh B ra Thông báo số 3463/TB-CTBTR có nội dung hủy bỏ Thông báo số 109/TB-CT ngày 10/01/2020 về việc yêu cầu công ty nộp tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Lý do được Cục thuế tỉnh B đưa ra là vì cơ sở pháp lý của Thông báo số 109/TB-CT là Quyết định số 06/QĐ-UBND đã bị hủy bỏ bởi Quyết định số 1705/QĐ-UBND.

Nhận thấy Quyết định số 1705/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B và Thông báo số 3463/TB-CTBTR của Cục thuế tỉnh B được ban hành không có căn cứ pháp lý, không phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty. Quyết định số 06/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B đã được ban hành đúng trình tự, thủ tục luật định nên việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 1705/QĐ-UBND để hủy Quyết định số 06/QĐ-UBND mà không có cơ sở pháp lý theo luật định là trái pháp luật cần phải được hủy bỏ. Thêm vào đó, Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính, đã nộp đầy đủ số tiền trúng đấu giá (17.500.000.000 đồng) và tiền phạt chậm nộp (2.265.501.000 đồng) cho Cục thuế tỉnh B theo Thông báo số 1009/CTBT-QLN ngày 12/4/2022.

Mặt khác, Quyết định số 1705/QĐ-UBND đang là đối tượng bị khởi kiện trong vụ án, đang được Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết theo quy định pháp luật. Do đó, khi chưa có Bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án có thẩm quyền xác định tính hợp pháp của Quyết định số 1705/QĐ-UBND thì Cục thuế tỉnh B không được phép căn cứ vào Quyết định số 1705/QĐ-UBND này (chưa biết có bị hủy bỏ hay không) để ban hành Thông báo số 3463/TB-CTBTR ngày 16/11/2023 nhằm mục đích hủy bỏ Thông báo số 109/TB-CT ngày 10/01/2020 (là thông báo yêu cầu công ty nộp tiền trúng đấu giá) trả lại số tiền mà công ty đã nộp cho Nhà nước là trái quy định pháp luật.

Do đó, Công ty TNHH G yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1705/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B và Thông báo số 3463/TB-CTBTR ngày 16/11/2023 của Cục thuế tỉnh B.

Theo Công văn số 7694/UBND-NC ngày 13/12/2023 của người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B trình bày:

a) Công ty TNHH G đã thay đổi thông tin trong Hồ sơ tham gia đấu giá:

Hồ sơ tham gia đấu giá với tên là Công ty TNHH G, tuy nhiên đến thời điểm tổ chức đấu giá Công ty TNHH G đã thay đổi tên thành Công ty TNHH G (thay đổi tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H). Công ty thay đổi tên doanh nghiệp trước thời gian tổ chức phiên đấu giá nhưng không thông báo đến cơ quan

Tổ chức đấu giá theo quy định của Quy chế số 881/QC-ĐG ngày 28/10/2019 của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản về Quy chế phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại 03 khu vực mỏ khoáng sản A - A, A - An Hòa T và An Hòa T2 (sau đây viết tắt là Quy chế số 881/QC-ĐG). Do đó, Công ty đã vi phạm quy định có liên quan:

- Điểm h khoản 2 Mục III Quy chế số 881/QC-ĐG “Trường hợp có sự thay đổi về tư cách pháp lý, tổ chức, cá nhân đủ điều kiện tham gia đấu giá phải nộp bổ sung văn bản liên quan cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B trong vòng 30 ngày trước khi tiến hành cuộc đấu giá”;

- Khoản 2 Điều 8 của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản và điểm a khoản 5 Điều 9 của Luật Đấu giá tài sản năm 2016: “Trường hợp khi có sự thay đổi về tư cách pháp lý, tổ chức, cá nhân được tham gia phiên đấu giá phải nộp bổ sung văn bản liên quan cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ đấu giá trước khi tiến hành phiên đấu giá”.

Đồng thời, qua rà soát lại hồ sơ tham gia đấu giá của Cty TNHH Thương mại T4 còn vi phạm lỗi sau: Công ty nộp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp không còn giá trị sử dụng. Công ty nộp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp phép ngày 15/3/2017 (đăng ký thay đổi lần thứ 4); trong khi, tại thời điểm nộp hồ sơ tham dự đấu giá (đơn tham gia đấu giá ký ngày 29/11/2019), thì đơn vị đã đăng ký thay đổi qua 02 lần (lần thứ 5 là ngày 31/7/2019; lần thứ 6 là ngày 13/8/2019). Do đó, Công ty đã vi phạm: điểm 2 khoản 6 Mục 3 của Quy chế số 881/QC-ĐG và khoản 2 Điều 8 của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Công ty thực hiện nghĩa vụ tài chính không đúng theo quy chế đấu giá:

Ngày 02/01/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 06/QĐ-UBND công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (cát san lấp) đối với khu vực khoáng sản A, thuộc xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre của Công ty TNHH G.

Ngày 10/01/2020, Cục Thuế tỉnh có Thông báo số 109/TB-CT thông báo nộp tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Theo đó, thời gian nộp tiền là trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Như vậy, đến ngày 15/4/2020 thì Công ty phải hoàn thành việc nộp tiền trúng đấu giá. Tuy nhiên, đến ngày 05/4/2022 Công ty mới nộp đủ tiền (đơn vị nộp nhiều lần: ngày 25/12/2020 nộp 7,1 tỷ đồng, ngày 22/02/2021 nộp 950 triệu đồng, ngày 02/6/2021 nộp 02 tỷ đồng, ngày 05/4/2022 nộp tiếp 6,3 tỷ đồng và các khoản chậm nộp và khoản ký quỹ trước đây khi đấu giá). Do đó, Công ty đã vi phạm:

- Khoản 1 Điều 2 Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 02/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh (Nộp tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản đầy đủ, đúng quy định về thời gian thông báo của cơ quan thuế).

- Điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/03/2012 của Chính phủ quy định: Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản có nghĩa vụ “nộp tiền trúng đấu giá theo quy định tại Điều 24 Nghị định này và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật”.

- Khoản 4 Điều 14 Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ T5 và Bộ T6 quy định: “Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản có trách nhiệm nộp đầy đủ, đúng thời hạn quy định tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản”.

Từ các quy định trên, Công ty đã thực hiện nghĩa vụ tài chính không đúng thời gian quy định.

c) Về xác định cơ sở pháp lý để hủy Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND ngày 02/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh B:

Ngày 13/7/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức cuộc họp với Công ty TNHH G (nay là Công ty TNHH G), đơn vị tham gia đấu giá mỏ cát An Hòa T2, huyện B, trao đổi với Công ty về các hành vi vi phạm của Công ty trong quá trình tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Căn cứ các hành vi vi phạm của Công ty:

- Công ty vi phạm điểm 2 khoản 6 Mục 3 của Quy chế số 881/QC-ĐG và khoản 2 Điều 8 của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Công ty vi phạm khoản 1 Điều 2 Quyết định số 06/QĐ-UBND; Điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP và khoản 4 Điều 14 Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC về thực hiện nghĩa vụ tài chính không đúng thời gian quy định.

- Đối chiếu với Điều 72 của Luật Đấu giá tài sản và các quy định của pháp luật về khoáng sản, đối với các hành vi vi phạm nêu trên của Công ty thì chưa quy định rõ sẽ làm căn cứ để hủy kết quả trúng đấu giá (Điều 72 của Luật Đấu giá tài sản và các quy định của pháp luật về khoáng sản không có quy định trường hợp này).

Tuy nhiên, việc nộp hồ sơ đấu giá của Công ty bằng văn bản không còn hiệu lực và việc Công ty có thay đổi tư cách pháp lý trước thời điểm đấu giá nhưng không báo cho tổ chức đấu giá là Công ty vi phạm Quy chế đấu giá. Trong trường hợp trên, thì Công ty không được tham gia phiên đấu giá, nhưng do cơ quan chức năng không phát hiện nên việc đấu giá vẫn được diễn ra (Cơ quan chức năng không thể phát hiện vì Công ty thay đổi tư cách pháp lý trực tiếp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H, Công ty phải đảm bảo tính trung thực và đầy đủ hồ sơ, thủ tục, pháp lý theo quy định đấu giá). Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh B Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá, Công ty vẫn không có văn bản đề nghị đổi tên đến Sở T mà vẫn tiếp tục sử dụng tên cũ là Công ty TNHH G trong một thời gian dài để thực hiện các thủ tục liên quan đến việc cấp Giấy phép khai

thác như thủ tục thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (10/2020), thủ tục đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản (12/2020).

Từ các phân tích trên, qua nhiều lần họp với các ngành chức năng thì đa số thành viên dự họp thống nhất đề xuất hủy kết quả trúng đấu giá. Do đó, ngày 14/8/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh B đã ban hành Quyết định số 1705/QĐ-UBND hủy bỏ Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 02/01/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (cát san lấp) đối với khu vực khoáng sản A, thuộc xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Tại Công văn số 935/CTBTR-HKDCN ngày 26/3/2024 người bị kiện là Cục Thuế tỉnh B trình bày như sau:

Người nộp thuế là Công ty TNHH G đã thực hiện theo Thông báo số 109/TB-CT ngày 10/01/2020 của Cục Thuế tỉnh B gồm: Tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản, tiểu mục 1252, số tiền 17.500.000.000 đồng; tiền chậm nộp, tiểu mục 4922, số tiền 2.265.501.000 đồng. Đối với việc hoàn trả số tiền mà người nộp thuế đã nộp: Căn cứ quy định tại Điều 71 Luật Quản lý thuế năm 2019, người nộp thuế có văn bản yêu cầu hoàn thuế thì cơ quan thuế sẽ thực hiện thủ tục hoàn thuế. Đến hiện tại Cục Thuế tỉnh B chưa nhận được văn bản yêu cầu hoàn thuế của người nộp thuế nên chưa thực hiện thủ tục hoàn trả theo quy định Luật Quản lý thuế.

Thông báo số 3463/TB-CTBTR của Cục Thuế tỉnh B được ban hành trên cơ sở Quyết định số 1705/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B hiện nay vẫn còn hiệu lực. Vì vậy đề nghị Tòa án không hủy Thông báo số 3463/TB-CTBTR của Cục Thuế tỉnh B.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2024/HC-ST ngày 07/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, đã căn cứ: các điều 3, 30, 32, 116, 158, 173, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Luật Đấu giá tài sản năm 2016; Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về điều kiện của tổ chức, cá nhân tham gia phiên đấu giá; Nghị quyết số 326/2016/UNTƯQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH G: Hủy Quyết định số 1705/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B và hủy Thông báo số 3463/TB-CTBTR ngày 16/11/2023 của Cục thuế tỉnh B.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

Ngày 28 tháng 5 năm 2024, người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B có làm đơn kháng cáo, đề nghị phúc xử theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện Công ty TNHH G.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, người bị kiện là Cục thuế tỉnh Bến Tre kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện Công ty TNHH G.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH G.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cục thuế tỉnh B giữ nguyên kháng cáo và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH G.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm cho rằng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Những người tham gia phiên tòa cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo luật định.

Về yêu cầu kháng cáo của người bị kiện: Kiểm sát viên đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo của các người bị kiện, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn Kháng cáo của người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B và Cục Thuế tỉnh B trong hạn luật định và hợp lệ được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Người bị kiện có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt người bị kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính 2015.

[2] Về đối tượng khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Người khởi kiện Công ty TNHH G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy: Quyết định số 1705/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B và hủy Thông báo số 3463/TB-CTBTR của Cục thuế tỉnh B.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền và còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Xét tính hợp pháp của quyết định hành chính bị khiếu kiện:

[3.1] Công ty TNHH G đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên lần đầu ngày 05/11/2012; đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 13/8/2019.

Ngày 29/10/2019, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B thông báo về việc đấu giá quyền khai thác khoáng sản, thời gian bán hồ sơ từ ngày 30/10/2019 đến ngày 29/11/2019 và ngày 25/12/2019 tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực khoáng sản A, thuộc xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. Ngày 29/11/2019, Công ty TNHH G có đơn đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Đến ngày 02/12/2019, Công ty TNHH G thay đổi lần thứ 7 tên công ty: Công ty TNHH G (Tên cũ: Công ty TNHH G).

Ngày 25/12/2019, Trung tâm tổ chức đấu giá tài sản tỉnh Bến Tre tiến hành tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực khoáng sản A, thuộc xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. Sau đó ngày 02/01/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 06/QĐ-UBND về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (cát san lấp) đối với khu vực khoáng sản A, thuộc xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. Tổ chức trúng đấu giá: Công ty TNHH G. Mã số doanh nghiệp: 0312033674. Người đại diện theo pháp luật là bà Đỗ Thị Bạch T3.

Ngày 05/4/2022, Công ty TNHH G đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính. Ngày 12/4/2022, Cục thuế tỉnh B có Văn bản số 1009/CTBTR-QLN xác nhận Công ty TNHH G đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính. Trong đó tiền chậm nộp là 2.265.501.000 đồng.

Sau đó, Công ty TNHH G có Công văn số 28/CV.GPI về việc thay đổi thông tin Công ty T7. Ngày 20/4/2022, Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh B có Công văn số 1413/STNMT-QLTN,B&KTTV gửi Công ty TNHH G hướng dẫn nộp đơn tại trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản để được hướng dẫn. Sau đó, Công ty TNHH G có đơn xin xác nhận về việc thay đổi tên Công ty sau khi trúng đấu giá để Công ty TNHH G hoàn thành các thủ tục về việc cấp quyền khai thác khu vực khoáng sản A, có xác nhận của trung tâm D (BL số 14-15). Ngày 22/7/2022, Công ty TNHH G tiếp tục có Công văn số 05 gửi Hội đồng thẩm định đấu giá khoáng sản tỉnh Bến Tre về việc xin đổi tên doanh nghiệp trên quyết định trúng đấu giá.

Tuy nhiên đến ngày 14/8/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ra Quyết định số 1705/QĐ-UBND về việc hủy bỏ Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 02/01/2020 về việc hủy kết quả đấu giá với lý do: Công ty TNHH G có thay đổi thông tin trong hồ sơ tham gia đấu thầu và thực hiện nghĩa vụ tài chính không

đúng theo quy chế đấu giá, vi phạm điểm 2 khoản 6 Mục 3 của Quy chế số 881/QC-ĐG và khoản 2 Điều 8 của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản; khoản 1 Điều 2 Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 02/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh B; Điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP và khoản 4 Điều 14 Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC về thực hiện nghĩa vụ tài chính không đúng thời gian quy định.

[3.2] Xét về việc thay đổi tên mới của Công ty: Tại khoản 2 Điều 8 của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản và điểm a khoản 5 Điều 9 của Luật Đấu giá tài sản năm 2016: *“Trường hợp khi có sự thay đổi về tư cách pháp lý, tổ chức, cá nhân được tham gia phiên đấu giá phải nộp bổ sung văn bản liên quan cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ đấu giá trước khi tiến hành phiên đấu giá”* và điểm h khoản 2 Mục III Quy chế số 881/QC-ĐG ngày 28/10/2019 của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh B quy định: *“Trường hợp có sự thay đổi về tư cách pháp lý, tổ chức, cá nhân đủ điều kiện tham gia đấu giá phải nộp bổ sung văn bản liên quan cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B trong vòng 30 ngày trước khi tiến hành cuộc đấu giá”*.

Trong khi đó ngày 02/12/2019, Công ty TNHH G đăng ký thay đổi lần thứ 7 tên công ty: Công ty TNHH G (Tên cũ: Công ty TNHH G) nhưng ngày 25/12/2019 Trung tâm tổ chức đấu giá tài sản tỉnh Bến Tre đã tiến hành tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực khoáng sản A, thuộc xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Như vậy, sau khi Công ty TNHH G đổi tên mới vào ngày 02/12/2019 nếu thực hiện nộp văn bản thay đổi tên mới thì cũng không đảm bảo 30 ngày theo quy định tại Quy chế số 881/QC-ĐG.

Mặt khác, xét thấy việc Công ty TNHH G thay đổi tên mới là Công ty TNHH G trong Giấy đăng ký kinh doanh (thay đổi lần thứ 7) nhưng vẫn có ghi tên cũ: Công ty TNHH G. Về mã số thuế và người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH G vẫn giữ nguyên của Công ty TNHH G. Như vậy, có căn cứ xác định về địa vị pháp lý từ Công ty TNHH G chuyển sang Công ty TNHH G vẫn thuộc loại hình công ty G hữu hạn một thành viên nên không có gì thay đổi về địa vị pháp lý quyền và nghĩa vụ của Công ty.

[3.3] Đối với việc Công ty không thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy chế đấu giá, thấy rằng: Ngày 02/01/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 06/QĐ-UBND về việc công nhận Công ty TNHH G đã trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (cát san lấp) đối với khu vực khoáng sản A Tây. Đến ngày 10/01/2020, Cục thuế tỉnh B có Thông báo số 109/TB-CT yêu cầu Công ty TNHH G nộp tiền trúng đấu giá 17.500.000.000 đồng.

Nghị định số 22/2012/NĐ-CP Ngày 26/3/2012 quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản quy định về nghĩa vụ nộp tiền trúng đấu giá tại điểm a khoản 1 Điều 11 như sau: *“Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản có nghĩa vụ nộp tiền trúng đấu giá theo quy định tại Điều 24 của Nghị định này và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật”*.

Theo Công ty K do thời gian này đại dịch C1 đang bùng phát mạnh tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh nên Công ty K1 hoạt động kinh doanh, nên chậm thực hiện nghĩa vụ tài chính. Xét lý do chậm nộp nghĩa vụ tài chính của Công ty TNHH G là do trở ngại khách quan. Sau đó, Cục T thông báo yêu cầu Công ty TNHH G phải nộp số tiền trúng đấu giá và phải nộp khoản tiền chậm nộp thì ngày 05/4/2022 Công ty TNHH G đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính. Ngày 12/4/2022, Cục thuế tỉnh B có Văn bản số 1009/CTBTR-QLN xác nhận Công ty TNHH G đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính, trong đó Công ty thực hiện nghĩa vụ nộp tiền chậm nộp là 2.265.501.000 đồng.

Như vậy, Công ty TNHH G không thực hiện nghĩa vụ tài chính đúng thời hạn là do trở ngại khách quan và Công ty TNHH G phải nộp tiền chậm nộp theo thông báo của cơ quan thuế. Và Công ty đã thực hiện nộp đầy đủ khoản tiền chậm nộp là đúng quy định của pháp luật.

[3.4] Xét quy định về việc hủy kết quả đấu giá tại Điều 72 Luật đấu giá tài sản năm 2016 được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

“1. Theo thỏa thuận giữa người có tài sản đấu giá, tổ chức đấu giá tài sản và người trúng đấu giá về việc hủy kết quả đấu giá tài sản hoặc giữa người có tài sản đấu giá và người trúng đấu giá về việc hủy giao kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, hủy bỏ hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, trừ trường hợp gây thiệt hại hoặc làm ảnh hưởng đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức;

2. Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản, hợp đồng mua bán tài sản đấu giá bị Tòa án tuyên bố vô hiệu theo quy định của pháp luật về dân sự trong trường hợp người trúng đấu giá có hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 5 Điều 9 của Luật này;

3. Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản bị hủy bỏ theo quy định tại khoản 6 Điều 33 của Luật này;

4. Người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá, người trúng đấu giá, tổ chức đấu giá tài sản, đấu giá viên có hành vi thông đồng, móc nối, đim giá trong quá trình tham gia đấu giá dẫn đến làm sai lệch thông tin tài sản đấu giá hoặc hồ sơ tham gia đấu giá hoặc kết quả đấu giá tài sản;

5. Theo quyết định của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp đấu giá tài sản nhà nước khi có một trong các căn cứ tại khoản 6 Điều 33 của Luật này”.

Và tại khoản 3 Điều 41 của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ quy định: “Việc thay đổi tên của doanh nghiệp không làm thay đổi quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp”.

Đối chiếu với quy định tại Điều 72 của Luật đấu giá tài sản năm 2016, Điều 41 của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ thì việc Công ty TNHH G đổi tên mới thành Công ty T8 không thuộc trường hợp quy định hủy kết quả đấu giá.

Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ra Quyết định số 1705/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 về việc hủy bỏ Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 02/01/2020 về việc công nhận Công ty TNHH G đã trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (cát san lấp) đối với khu vực khoáng sản A thuộc xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre là chưa phù hợp với quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của Công ty TNHH G.

Cục Thuế tỉnh B căn cứ vào Quyết định số 1705/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh B để ban hành Thông báo số 3463/TB-CTBTR ngày 16/11/2023, hủy bỏ Thông báo số 109/TB-CT ngày 10/01/2020 về việc yêu cầu công ty nộp tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản là không đúng quy định của pháp luật.

[3.5] Từ những phân tích trên, Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH G, hủy Quyết định số 1705/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B và hủy Thông báo số 3463/TB-CTBTR ngày 16/11/2023 của Cục thuế tỉnh B là có căn cứ.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B và Cục thuế tỉnh B giữ nguyên kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch UBND tỉnh B và Cục thuế tỉnh B giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B và Cục thuế tỉnh B phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[6] Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B và Cục Thuế tỉnh B.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2024/HC-ST ngày 07/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116, Điều 158, Điều 173; điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính 2015; Luật đấu giá tài sản năm 2016; Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về điều kiện của tổ chức, cá nhân tham gia phiên đấu giá; Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH G: Hủy Quyết định số 1705/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B và hủy Thông báo số 3463/TB-CTBTR ngày 16/11/2023 của Cục thuế tỉnh B.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Chủ tịch UBND tỉnh B, Cục Thuế tỉnh B mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính phúc thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0005540 ngày 10/6/2024 và số 0005538 ngày 03/6/2024 đều của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre. Như vậy, Chủ tịch UBND tỉnh B, Cục Thuế tỉnh B đã nộp xong án phí phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Cục THADS tỉnh Bến Tre;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP; HSVA; NTV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Mười